**Tiết 80**

**Ngày soạn: 20/01/2017**

**Tiếng Việt**

**NGHĨA CỦA CÂU**

**A. Mức độ cần đạt**

- Hiểu được các khái niệm: nghĩa sự việc, nghĩa tình thái của câu;

- Biết vận dụng kiến thức vào việc phân tích và tạo lập câu.

**B. Trọng tâm kiến thức- kĩ năng**

**1. Kiến thức**

- Nghĩa sự việc và nghĩa tình thái.

- Một số loại nghĩa tình thái quan trọng.

**2. Kĩ năng**

- Nhận diện và phân tích được hai thành phần nghĩa của câu.

- Tạo lập câu thể hiện được nghĩa sự việc và nghĩa tình thái.

**C. Phương tiện và cách thức tiến hành:**

- Sách chuẩn kiến thức, kĩ năng môn Ngữ văn lớp 11, Sách giáo dục kĩ năng sống cho học sinh, Sách giáo khoa, Sách giáo viên, thiết kế bài giảng.

**-** Kết hợp các phương pháp: Đọc – hiểu, gợi mở, phát vấn, diễn giảng, trao đổi thảo luận, sử dụng bảng phụ.

**C. Tiến trình lên lớp**

**1. Ổn định lớp**

**2. Kiểm tra bài cũ**

- Kết hợp trong phần bài mới

**3. Bài mới**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên và học sinh** | **Nội dung bài học** |
| **\*Hoạt động 1: Tìm hiểu nghĩa tình thái của câu.**   * Giáo viên cho hs đọc các ví dụ trong sgk * Cho hs phân tích các ví dụ đó, lưu ý các từ ngữ in đậm. * Nghĩa tình thái bao gồm những thành phần nào?   **\*Hoạt động 2: Hướng dẫn học sinh luyện tập**  ***1. Bài tập 1/ SGK tr.20***  - Học sinh đọc yêu cầu bài tập  - Thảo luận 5 phút, đại diện trình bày  - Giáo viên nhận xét, cho điểm   * Gọi học sinh lên bảng giải các bài tập 2,3,4 * Giáo viên yêu cầu học sinh nhận xét, bổ sung. | **III. Nghĩa tình thái**  ***1. Sự nhìn nhận, đánh giá và thái độ người nói đối với sự việc được đề cập đến trong câu***  - Khẳng định tính chân thực của sự việc.  - Phỏng đoán sự việc với độ tin cậy cao/thấp.  - Đánh giá về mức độ hay số lượng đối với một phương tiện nào đó của sự việc.  - Đánh giá sự việc có thực hay không có thực, đã xảy ra hay chưa xảy ra.  - Khẳng định tính tất yếu, sự cần thiết hay khả năng của sự việc.  **2*. Tình cảm, thái độ của người nói đối với người nghe***  - Tình cảm thân mật, gần gũi.  - Thái độ bực tức, hách dịch.  - Thái độ kính cẩn.  **IV. Luyện tập**  ***1. Bài tập 1/ SGK tr.20***  a.- Nghĩa sự việc: Hiện tượng thời tiết nóng ở hai miền Nam Bắc khác nhau.  - Nghĩa tình thái: Phỏng đoán với độ tin cậy cao.  b.- Nghĩa sự việc: ảnh là của mợ Du và thằng Dũng.  - Nghĩa tình thái: Khẳng định sự việc với mức độ cao.  c. - Nghĩa sự việc: cái gông tương xứng với tội án tử hình.  - Nghĩa tình thái: Khẳng định một cách mỉa mai.  d. – Nghĩa sự việc: Chí Phèo mạnh vì liều  - Nghĩa tình thái: miễn cưỡng  **2. Bài tập 2/ SGK tr. 20**  a. Nói của đáng tội (thừa nhận việc khen này là không nên đối với thằng bé)  b. Cố thể (nêu khả năng).  c. Những (đánh giá mức độ giá cả là cao)  d. Kia mà (nhắc nhở để trách móc)  **3. Bài tập 3/ SGK tr. 20**  Chọn các từ:  Câu a: Hình như; Câu b: Dễ; Câu c: tận.  **4. Bài tập 4**: Đặt câu với nghĩa tình thái.  - **Chả nhẽ** tôi lại đi nói chuyện đó.  - **Chưa biết chừng** trưa nay mẹ phải ở lại cơ quan!  - **Nghe nói** bà Tư bên nhà mới mua chiếc xe máy cho con bà ấy đi học.  - Em nghỉ học **ít ra** phải gửi cho nhà trường đơn xin phép chứ!  - Thằng con bà Tám học đến lớp 9 là cùng. |

**4. Củng cố, dặn dò**

- Phân biệt nghĩa sự việc và nghĩa tình thái.

- Tìm một số câu trong các tác phẩm văn học và phân tích nghĩa tình thái.

- Soạn “ Tràng Giang” - Huy Cận.

**E. Rút kinh nghiệm**